

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung,  
thủ tục hành chính và quy trình giải quyết thủ tục hành chính bị bãi bỏ  
lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết  
của ngành Nông nghiệp và Môi trường**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 192/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường,*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 56/TTr-SNNMT ngày 26 tháng 01 năm 2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính và quy trình giải quyết thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành nông nghiệp và môi trường (*Phụ lục danh mục thủ tục hành chính đính kèm*), cụ thể:

**1. Về thủ tục hành chính**

- Sửa đổi 06 thủ tục hành chính được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 về việc công bố chuẩn hóa Danh

mục thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước thẩm quyền giải quyết của ngành nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai, các mã thủ tục hành chính 1.012001, 1.012002, 1.011999, 1.012003, 1.012004, 1.012000.

- Bãi bỏ 04 thủ tục hành chính được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành tại quyết định số:

+ 02 thủ tục hành chính có mã số 1.004546, 1.004524 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

+ 02 thủ tục hành chính có mã số 1.007931, 1.007932 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước thẩm quyền giải quyết của ngành nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Nai.

## **2. Về quy trình giải quyết thủ tục hành chính**

Bãi bỏ 04 quy trình giải quyết thủ tục hành chính:

+ 02 thủ tục hành chính có mã số 1.004546, 1.004524 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 1162/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 Về việc phê duyệt 79 quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ngành nông nghiệp và môi trường được Chủ tịch UBND ủy quyền Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết.

+ 02 quy trình giải quyết thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón và Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới, được sửa đổi và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, UBND huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Thay thế các mã thủ tục: 1.012001, 1.012002, 1.011999, 1.012003, 1.012004, 1.012000 được Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 29/4/2025.

Bãi bỏ các mã thủ tục 1.004546, 1.004524 được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 và các mã thủ tục 1.007931, 1.007932 được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 29/4/2025.

Bãi bỏ quy trình giải quyết thủ tục hành chính có mã số 1.004546, 1.004524 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 1162/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 và quy trình giải quyết thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón và thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 06/4/2021.

Các nội dung khác tại Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 29/4/2025; Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 26/6/2025; Quyết định số 1162/QĐ-UBND ngày 03/9/2025; Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Thủ tục hành chính trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật công bố tại Quyết định này được thực hiện theo thời điểm có hiệu lực tại Quyết định số 192/QĐ-BNNMT ngày 17/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**Điều 3.** Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Trường Sơn**

**Phụ lục**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BÃI BỎ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Quyết định số QĐ-UBND ngày /01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

| TT | Số hồ sơ TTHC              | Tên thủ tục hành chính                                   | DVC TT     | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                             | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                    | Cơ quan thực hiện                                                                                                | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                            | Ghi chú                                                                                                  |
|----|----------------------------|----------------------------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A  | <b>CẤP TỈNH</b>            |                                                          |            |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                  |                |                                                                                                                                                                                           |                                                                                                          |
| I  | <b>LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT</b> |                                                          |            |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                  |                |                                                                                                                                                                                           |                                                                                                          |
| 1  | 1.012001                   | Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng     | Toàn trình | 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ                                                                                                                       | - Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm hành chính công tỉnh<br><br>- Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh<br><br>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Phát triển nông thôn | Không quy định | - Khoản 3 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ 2005;<br>- Điều 112 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ;<br>- Điều 16 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ | Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 192/QĐ-BNNMT ngày 17/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 2  | 1.012002                   | Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng | Toàn trình | - 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.<br><br>- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được cấp Thẻ (Trường hợp thẻ bị lỗi do UBND tỉnh) | Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm hành chính công tỉnh<br><br>- Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>   | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh<br><br>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Phát triển nông thôn | Không quy định | - Điều 112 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ;<br>- Điều 16 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ                                                 | Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 192/QĐ-BNNMT ngày 17/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |

|   |          |                                                                                            |            |                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                  |                |                                                                                                                                                                                                |                                                                                                          |
|---|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3 | 1.011999 | Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân | Toàn trình | 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi đến khi người được cấp Thẻ có ý kiến                                                                                                                        | Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm hành chính công tỉnh<br><br>- Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh<br><br>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Phát triển nông thôn | Không quy định | - Khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ 2005;<br>- Điều 112, Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ;<br>- Điều 16 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ | Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 192/QĐ-BNNMT ngày 17/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 4 | 1.012003 | Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng                        | Toàn trình | 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ                                                                                                                                                                | Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm hành chính công tỉnh<br><br>- Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh<br><br>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Phát triển nông thôn | Không quy định | - Khoản 2 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005;<br>- Điều 113 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ;<br>- Điều 17 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ  | Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 192/QĐ-BNNMT ngày 17/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 5 | 1.012004 | Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng                    | Toàn trình | - 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.<br><br>- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng (Trường hợp Giấy chứng nhận bị lỗi do UBND tỉnh) | Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm hành chính công tỉnh<br><br>- Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh<br><br>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Phát triển nông thôn | Không quy định | - Điều 113 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ<br>- Điều 17 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ                                                       | Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 192/QĐ-BNNMT ngày 17/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |

|   |          |                                                                                                           |            |                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                  |                |                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                          |
|---|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6 | 1.012000 | Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân | Toàn trình | 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi đến khi tổ chức được cấp Giấy chứng nhận có ý kiến | Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm hành chính công tỉnh<br><br>- Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh<br><br>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Phát triển nông thôn | Không quy định | - Khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ 2005;<br>- Điều 113, Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ;<br>- Điều 17 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ. | Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 192/QĐ-BNNMT ngày 17/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
|---|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính                                            | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính                           | Cơ quan thực hiện                                                                                                                                                              |
|----|---------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | 1.007931      | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón                | Quyết định số 192/QĐ- BNNMT ngày 17/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường.                                                                                                              |
| 2  | 1.007932      | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón            | Quyết định số 192/QĐ- BNNMT ngày 17/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường.                                                                                                              |
| 3  | 1.004546      | Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật     | Quyết định số 192/QĐ- BNNMT ngày 17/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh<br><br>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính. |
| 4  | 1.004524      | Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật | Quyết định số 192/QĐ- BNNMT ngày 17/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh<br><br>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính. |